

Số: 171/2023/QĐST – HNGĐ

Lương Sơn, ngày 07 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 225/TLST – HNGĐ ngày 20/10/2023
giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Thành L, sinh năm 1990.

HKTT: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

HKTT: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966.

HKTT: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29
tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản
ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2023 là hoàn
toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn
và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Thành L, sinh năm 1990.

HKTT: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

HKTT: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966.

HKTT: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Thành L và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đinh Thành D, sinh ngày 17/12/2011; Chị L chưa yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Chị L, anh L đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

-Về tài sản chung: Anh Đinh Thành L và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận trước phiên hòa giải và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Anh Đinh Thành L trả tiền công sức đóng góp vào việc xây dựng ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 146m², địa chỉ: PV, xã CD, huyện LS, tỉnh HB cho chị Nguyễn Thị L với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), mỗi tháng trả 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), trả vào ngày 15 hàng tháng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 3/2024 cho đến khi trả hết số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

- Công nợ chung: Anh Đinh Thành L, chị Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Th thỏa thuận anh Đinh Thành L trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn trả nợ trong vòng ba tháng, tính từ tháng 12/2023, cụ thể: Ngày 30/12/2023 anh Đinh Thành L trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng); Ngày 30/01/2024 anh Đinh Thành L trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng); Ngày 29/02/2024 anh Đinh Thành L trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

- Về án phí: Anh Đinh Thành Luân tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, phải nộp 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001027

ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn; Anh Đinh Thành L còn phải tiếp tục nộp số tiền 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Cao Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Chu Thị Lan Anh

